CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Số: 2001.1/CV-TĐ

V/v giải trình chênh lệch doanh thu lợi nhuận hợp nhất Quý IV/2023 so với Quý IV/2022 và cả năm 2023 so với năm 2022.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hưng Yên, ngày 20 tháng 01 năm 2024

GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT NĂM 2023

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Công ty Cổ phần Thuận Đức (Mã chứng khoán TDP) xin gửi lời chào trân trọng tới Quý cơ quan!

Căn cứ:

- Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

- Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV/2022 của Công ty Cổ phần Thuận Đức.

Công ty chúng tôi xin giải trình với Quý cơ quan về sự biến động doanh thu và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất Quý IV/2023 so với Quý IV/2022 và Năm 2023 so với Năm 2022 như sau:

CHỈ TIÊU	Kỳ		Chênh lệch		Năm		Chênh lệch	
	Quý IV/2023	Quý IV/2022	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ lệ (%)	2023	2022	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ lệ (%)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.134,8	971,8	163,0	17%	3.849,6	3.247,7	601,9	19%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-		0,0	0,0	0,0	
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**1.134,8**	**971,8**	**163,0**	**17%**	**3.849,6**	**3.247,7**	**601,9**	**19%**
4. Giá vốn hàng bán	1.036,6	898,2	138,4	15%	3.496,4	2.878,6	617,9	21%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**98,2**	**73,7**	**24,5**	**33%**	**353,2**	**369,1**	**(16,0)**	**-4%**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	11,4	17,6	(6,2)	-35%	69,3	54,7	14,7	27%
7. Chi phí tài chính	51,8	46,7	5,1	11%	220,4	162,8	57,7	35%
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	(3,2)	0,4	(3,6)	0%	(11,6)	0,4	(12,1)	0%
9. Chi phí bán hàng	12,0	12,1	(0,1)	-1%	46,6	49,2	(2,6)	-5%
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	16,6	19,1	(2,4)	-13%	64,2	84,3	(20,1)	-24%
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**25,9**	**13,8**	**12,1**	**87%**	**79,7**	**128,0**	**(48,3)**	**-38%**
12. Thu nhập khác	0,0	0,0	0,0	78%	0,0	0,1	(0,0)	-56%
13. Chi phí khác	0,8	1,0	(0,2)	-19%	8,8	4,6	4,2	90%
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	(0,8)	(1,0)	0,2	-21%	(8,8)	(4,6)	(4,2)	92%
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**25,1**	**12,8**	**11,9**	**93%**	**70,9**	**123,4**	**(44,1)**	**-36%**
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	7,7	4,1	3,6	89%	26,7	29,2	(2,5)	-9%
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	0,0	-	0,0	0%	0,9	0,4	0,4	0%
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	**17,4**	**8,7**	**8,2**	**94%**	**43,4**	**93,7**	**(41,9)**	**-45%**
19. Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	**17,4**	**8,7**	**8,2**	**94%**	**43,4**	**93,7**	**(41,9)**	**-45%**
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND/1CP	230	446	-216	-48%	574	1.390	-816	-59%

- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất Năm 2023 giảm 41,9 tỷ so với Năm 2022, tương ứng với tỷ lệ 45%, lãi cơ bản trên cổ phiếu Năm 2023 giảm so với Năm 2022 816 đồng/CP
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất Quý IV/2023 so với Quý IV/2022 tăng 8,2 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ 94%, lãi cơ bản trên cổ phiếu Quý IV/2023 so với Quý IV/2022 giảm 216 đồng/CP.

Nguyên nhân:

1.Mặc dù doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hợp nhất Năm 2023 tăng so với Năm 2022 với giá trị 601,9 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ 19%, nhưng doanh thu tăng nhiều chủ yếu từ bán mặt hàng có tỷ suất lợi nhuận không cao và hạ giá bán chung các mặt hàng, nên lợi nhuận gộp Năm 2023 giảm so với Năm 2022 với giá trị 16 tỷ, tương ứng giảm với tỷ lệ 4%.
Quý IV/2023 tăng so với Quý IV/2022 với giá trị là 163,0 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ 17% trong khi đó giá vốn hàng bán tăng ít hơn, tương ứng với tỷ lệ tăng 15%.

2. Doanh thu hoạt động tài chính hợp nhất Năm 2023 so với Năm 2022 tăng 14,7 tỷ, tương ứng với tỷ lệ 27%.
Doanh thu hoạt động tài chính hợp nhất Quý IV/2023 so với Quý IV/2022 giảm với giá trị 6,2 tỷ đồng.

3. Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý Năm 2023 đều giảm so với Năm 2022 với tỷ lệ 5% và 24%. Tuy nhiên Chi phí tài chính, mà chủ yếu là chi phí lãi vay tăng nhiều 35% so với cùng kỳ năm trước là ảnh hưởng chính dẫn tới lợi nhuận bị sụt giảm.
Tuy nhiên trong Quý IV/2023, công ty đã tiết giảm chi phí, cấu trúc lại tài chính và mặt bằng lãi suất giảm nhẹ, giảm thiểu ảnh hưởng của các yếu tố bất lợi nên lợi nhuận sau thuế tăng so với Quý IV/2022 với giá trị 8,2 tỷ, tương ứng với tỷ lệ 94%.

Trong đầu năm 2023 thị trường xuất khẩu có sự suy yếu về lượng cầu và bắt đầu hồi phục dần các đơn vào cuối quý IV nhưng chưa tới thời điểm giao hàng. Tuy nhiên thị trường trong nước bắt đầu ổn định lại và bù đắp được phần doanh thu tới từ xuất khẩu. Lợi nhuận bị ảnh hưởng nhiều do yếu tố lãi suất vay vốn toàn thị trường có xu hướng tăng suốt thời gian dài và tổng cầu các thị trường quốc tế không đạt như kỳ vọng; mức lãi suất cao toàn thị trường tín dụng ảnh hưởng tới chi phí lãi vay toàn công ty cũng như cộng hưởng thêm tới từ chính sách thuế TNDN tại NĐ 132/2020 làm cho các chi phí thuế của công ty cũng đều tăng cao hơn làm lợi nhuận suy giảm.

Trên đây là ý kiến giải trình của Công ty Cổ phần Thuận Đức về chênh lệch doanh thu lợi nhuận hợp nhất Quý IV/2023 so với Quý IV/2022 và doanh thu lợi nhuận hợp nhất Năm 2023 so với Năm 2022.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Ban Tổng Giám đốc
- UBCKNN;
- Lưu VT. TCCB (T)

TM.CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC
Tổng giám đốc

M.S.D.N: 0900264799 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC H. KIM ĐỘNG - T. HƯNG YÊN

Bùi Quang Sỹ

Công Ty Cổ Phần Thuận Đức
Digitally signed by Công Ty Cổ Phần Thuận Đức
DN: C=VN, S=HƯNG YÊN, L=Kim Động, CN=Công Ty Cổ Phần Thuận Đức, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0900264799
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2024-01-20 15:09:06